

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BỘ TÀI CHÍNH
Số: 03/TTLT/BLĐTBXH-
BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2000

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

*Hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh mức
trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động
cách mạng, gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người
có công giúp đỡ cách mạng*

Thực hiện điểm 4, Điều 1 và khoản b, điểm 2, Điều 2 Nghị định số 175/1999/ NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ;

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép, thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ; Liên tịch Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn việc điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động cách mạng, gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người có công giúp đỡ cách mạng như sau:

I. Đối tượng và mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng quy định thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2000

1. Người hoạt động cách mạng trước năm 1945:

a) Mức trợ cấp: 135.000 đồng/tháng

b) Thân nhân chủ yếu của người hoạt động cách mạng trước năm 1945 từ trần:

Mức trợ cấp tuất cơ bản: 90.000 đồng/người/tháng

Mức trợ cấp tuất nuôi dưỡng: 290.000 đồng/người/tháng

2. Người hoạt động cách mạng trước cách mạng tháng 8 năm 1945 "tiền khởi nghĩa":

Mức phụ cấp : 60.000 đồng/tháng

3. Thân nhân liệt sỹ:

Mức trợ cấp tuất cơ bản: 90.000 đồng/người/tháng

Mức trợ cấp tuất nuôi dưỡng: 290.000 đồng/người/tháng

4. Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động:

a) Bà mẹ Việt Nam anh hùng:

Mức trợ cấp: 350.000 đồng/tháng.

Mức trợ cấp nuôi dưỡng Bà mẹ sống cô đơn không nơi nương tựa: 400.000 đồng/tháng.

b) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động:

Mức trợ cấp: 80.000 đồng/tháng.

5. Thương binh:

a) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh:

Mức trợ cấp hằng tháng được tính bằng: 3.588 đồng x % mất sức lao động do thương tật (bản phụ lục kèm theo).

b) Thương binh B (được xác nhận từ 31 tháng 12 năm 1993 trở về trước nay gọi là quân nhân bị tai nạn lao động):

Mất sức lao động từ 21% đến 30%: Mức trợ cấp = 62.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 31% đến 40%: Mức trợ cấp = 77.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 41% đến 50%: Mức trợ cấp = 108.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 51% đến 60%: Mức trợ cấp = 123.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 61% đến 70%: Mức trợ cấp = 169.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 71% đến 80%: Mức trợ cấp = 200.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 81% đến 90%: Mức trợ cấp = 246.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 91% đến 100%: Mức trợ cấp = 277.000 đồng/tháng.

c) Người phục vụ thương binh A, thương binh B và người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động 81% trở lên đang điều dưỡng ở gia đình:

Mức trợ cấp của người phục vụ thương binh mất sức lao động 81% trở lên: 132.000 đồng/tháng.

Mức trợ cấp của người phục vụ thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng: 165.000 đồng/tháng.

d) Thân nhân chủ yếu của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ mất sức lao động 61% trở lên từ trần:

Mức trợ cấp tuất cơ bản: 72.000 đồng/người/tháng.

Mức trợ cấp tuất nuôi dưỡng: 126.000 đồng/người/tháng.

6. Bệnh binh:

a) Mức trợ cấp hằng tháng của bệnh binh:

Mất sức lao động từ 61% đến 70%: mức trợ cấp = 180.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 71% đến 80%: mức trợ cấp = 207.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 81% đến 90%: mức trợ cấp = 249.000 đồng/tháng.

Mất sức lao động từ 91% đến 100%: mức trợ cấp = 277.000 đồng/tháng.